

Kênh Vĩnh Lợi trong lịch sử

Võ Nguyên Phong^{1*}

Nguyễn Thông (1827-1884) tự là Hy Phần, hiệu Kỳ Xuyên, biệt hiệu Độn Am, sinh tại thôn Bình Thanh, tổng Thạnh Hội, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định² (thời điểm năm 1836), về sau là làng Bình Thạnh³, tổng Thạnh Hội, huyện Tân Thạnh, phủ Tân An, nay là xã Phú Ngãi Trị, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Ông đỗ cử nhân khoa thi hương năm Kỷ Dậu (1849) tại trường thi Gia Định với tên là Nguyễn Thới Thông⁴ (阮泰通), về sau mới đổi là Nguyễn Thông (阮通). Sau khi bỏ quan, Nguyễn Thông có một thời gian ngắn làm Bố chánh tỉnh Quảng Ngãi. Bố chánh sứ cùng Án sát sứ là hai chức quan lớn nhất tại thành Quảng Ngãi thời điểm này, trong đó Bố chánh xếp cao hơn với trật chánh tam phẩm, phụ trách các vấn đề thuộc bộ Hộ gồm vấn đề tài chính, hành chính như thuế khóa, đình điền, đê điều, hộ tịch lẫn trọng trách truyền đạt chính sách và chủ trương của triều đình, trong đó có công tác thủy lợi.

Thời gian làm quan tại Quảng Ngãi của Nguyễn Thông từ 1869-1872, trong đó chính thức tại chức chỉ 2 năm và 1 năm lưu dụng để chuộc lỗi với triều đình. Quãng thời gian tại đây Nguyễn Thông với tư tưởng trọng nông của mình, đã thực hiện nhiều chính sách phát triển nông nghiệp, trong đó có các công tác thủy lợi. Có khá nhiều bài thơ, ký của ông để mô tả hay thể hiện tư tưởng trọng nông và chú tâm làm thủy lợi như: Nghĩa Châu thủy lợi tiêu sách tự, Vĩnh Lợi cừ ký, Đình Gia yên ký, Trần thủy lợi tài thụ nghi sớ.... trong đó bài ký “Vĩnh Lợi cừ ký” có nội dung khá đặc sắc và giàu thông tin về một công trình thủy nông ở 150 năm về trước tại Quảng Ngãi.

Nội dung bản dịch Vĩnh Lợi cừ ký:

“Bài ký về kinh Vĩnh Lợi

Con sông lớn ở phía Nam tỉnh Quảng Ngãi gọi là sông Vệ. Phía Bắc sông ấy có một sông nhánh gọi là sông Đông, nhận nước sông Vệ chạy về phía bắc qua các nơi Đồng Viên, Hào Môn, Hải Châu, Vạn An, Tân Quan, Thái Bình rồi chảy về phía đông, lại ra sông Vệ. Đường nước quanh co nhỏ hẹp, lâu ngày lấp thành đất bằng, ruộng nhà nông bị thiếu nước, những người ở đó dùng nước hồ ao là sông cũ đọng lại, phần nhiều bị bệnh.

Mùa hè năm Tân Mùi niên hiệu Tự Đức (1871) định nhân đờng sông cũ đào kinh dẫn nước sông Vệ để giúp đỡ nông dân. Ủy viên của triều đình đã họp với Tri phủ Tư Nghĩa là Trần Dự để tính toán số khối đất và phí tổn nhân công để thuê mướn, thì gặp lúc tôi bị khiển trách cách chức, việc tương như bỏ luôn. May có Đại Tư không Nguyễn công xin cho tôi được trông coi việc đào kinh cho xong, thì tên thổ hào Lê mỗ

^{1*} Thạc sĩ. Email: phongvn.ciscom@gmail.com

² Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Gia Định (Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Long An)*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1996, P491;

³ Nguyễn Đình Tư, *Địa chí hành chính các tỉnh Nam Kỳ thời Pháp thuộc (1859-1945)*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2017, P506;

⁴ Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước - Trung tâm lưu trữ Quốc gia I, *Khoa bảng Trung bộ và Nam bộ qua tài liệu mộc bản triều Nguyễn*, NXB Chính trị quốc gia – Sự thật, 2012, P470;

trước đây là nha lại có thể lực ở phủ Tư Nghĩa đem vài trăm đầy tớ chiếm cứ cửa sông để tranh, mọi người thêm chán nản. Một đêm lũ núi đổ về, xoi phá bờ đắp một khoảng cái thuyền đi lọt, tên thổ hào nhìn thấy nước mênh mông bỏ về, mọi người đồn rằng thần sông giúp đỡ là nói chuyện ấy. Rồi đó nước lũ rút xuống, lại tiếp tục đào vét, đến mùa hè năm Nhâm Thìn (1872) thì kinh đào xong. Năm ấy trời lâu không mưa, suốt mấy dặm dọc theo kinh vang tiếng xe nước cọt két, bạn cây vác cây mà hát, đàn bà trẻ con quây thùng mà hò, những người chiếm cứ cửa sông để tranh giành ngày trước thì đến nay lại phiên là kinh đào xong quá muộn. Buổi đầu bàn đào kinh ấy vốn là để làm lợi cho nghề nông, may mà đào xong, thế theo ý mọi người, gọi tên là kinh Vĩnh Lợi và làm lời giải thích rằng: Phạm chỗ không hay của các kinh, không gì đáng ngại bằng cong queo, nhỏ hẹp, nông cạn, nhưng duy kinh này thì thích hợp. Đường kinh quanh co trên đất sáu làng tưới tiêu đều tiện, nên cong queo lại có lợi. Miệng kinh hút nước sông Vệ, nhân vì nhỏ hẹp nên thế nước chảy xiết, đủ sức đẩy xe nước quay nhanh, nên nhỏ hẹp lại có tác dụng. Từ miệng kinh trở đi nông dân đặt mười mấy xe nước, nếu sâu thì nước sông Vệ tràn vào quá nhiều, nước chảy chậm thì xe dừng lại, sẽ có điều lo lợi chỗ này thì hại chỗ kia. Duy đường kinh chứa nước có hạn, đôi đường cùng có tác dụng, nên nông cạn lại thích hợp. Thế thì trước đây nước bị ứ đọng, kinh bị lấp tắc, làm hại cho nghề nông có phải là tại nước sâu. Nhưng nhiều người cho rằng vì cong queo, nhỏ hẹp, nông cạn, gập gáp muốn nắn cho thẳng, mở cho rộng, vét cho sâu, há chẳng phải là sai sao! Nghĩ rằng kinh này ở trong chỗ châu quận thành quách, trước chỗ mắt thấy tai nghe mà còn có khi không hiểu hết những điều lợi hại như thế; huống chi căn cứ vào sự hiểu biết một góc mà ngòai tính việc xa bốn biển, so sánh thứ bậc mọi người, thì hại cho là lợi, sai cho là đúng lại đáng lạ lùng sao?

Tháng 5 mùa hè năm Nhâm Thân niên hiệu Tự Đức (1872) Nguyễn Thông tự Hy Phần, hiệu Kỳ Xuyên lão nhân người Gia Định ghi.”⁵.

Vĩnh Lợi cừ ký là bài ký mô tả lại lịch sử một dòng sông nhỏ mang tên sông Đồng với cuộc tu sửa chỉnh trang vào năm 1871-1872 và nằm bờ bắc sông Vệ. Tuy có gặp khó khăn khi có sự chống đối từ những người có thể lực trong vùng, nhưng cuối cùng tuyến kinh vẫn được khai thông theo dòng sông cũ đã bồi lấp và phục vụ tưới tiêu 6 làng ven kinh, kinh được đặt tên Vĩnh Lợi. Kinh Vĩnh Lợi cùng với Đập Đỉnh Gia ở xã Bình Mỹ - huyện Bình Sơn, là những dấu tích quan trọng còn tồn tại mà Nguyễn Thông để lại trên đất Quảng Ngãi. Đến nay, hầu như chưa có thông tin nào về tuyến kinh Vĩnh Lợi được Nguyễn Thông xây dựng, ở đâu, quy mô như thế nào. Việc truy tìm, hồi cố các chứng cứ về tuyến kinh cổ Vĩnh Lợi là cần thiết nhằm giúp chúng ta hiểu hơn về cách làm thủy lợi của cha ông thừa trước, đồng thời cũng chính là những minh xác tuyệt vời nhất cho những trước tác về thơ, ký của Nguyễn Thông đã để lại cho đời.

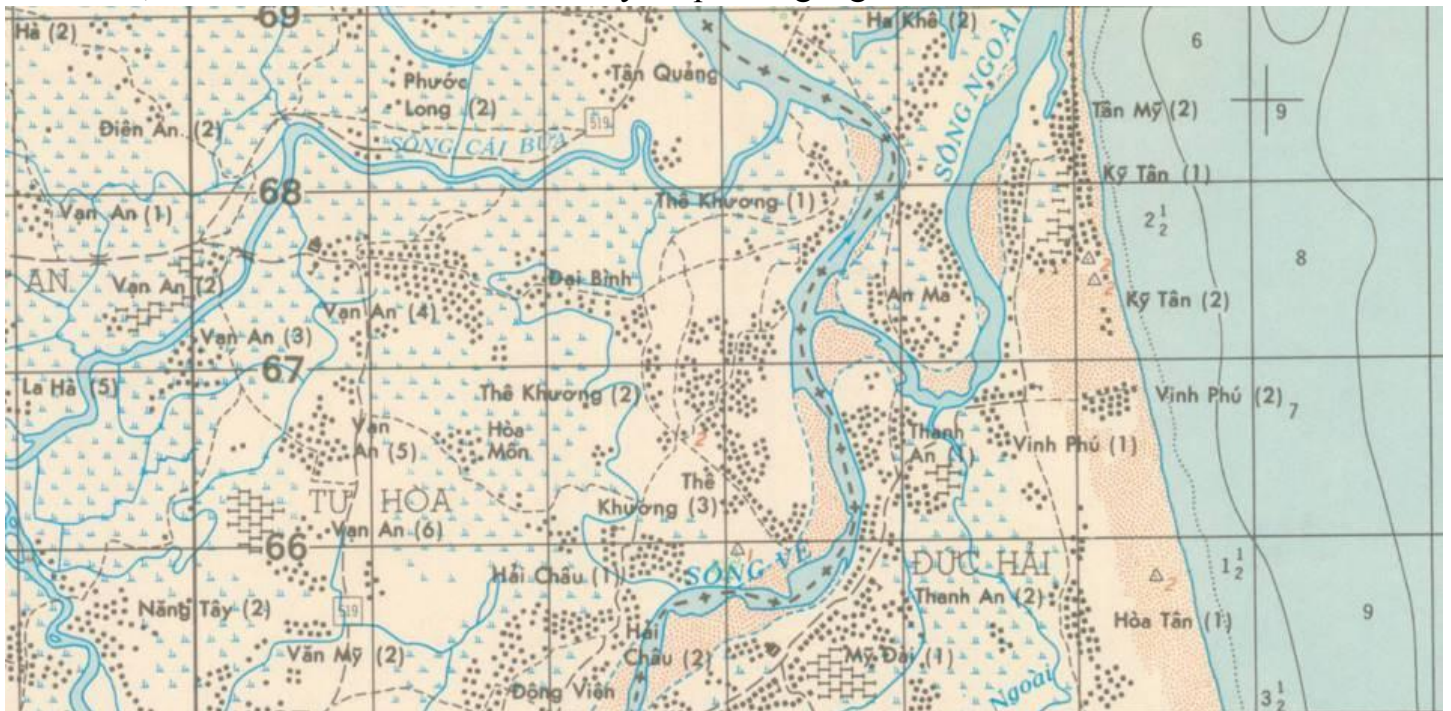
Với những thông tin từ bài ký, lần theo thực địa để tìm ra dấu vết tuyến kinh Vĩnh Lợi xưa. Tất cả các địa danh 6 làng mà tuyến kinh đi qua gồm: Đồng Viên, Hải Châu, Hào Môn, Vạn An, Tân Quan và Thái Bình (mà ngày nay là Đại Bình) đều nằm khu Đông huyện Tư Nghĩa và bên bờ Bắc sông Vệ. Định vị sơ bộ đây là các làng cổ ngày nay thuộc xã Nghĩa Hiệp và một phần xã Nghĩa Thương, xã Nghĩa Hoà thuộc huyện Tư Nghĩa. Cụ thể khu vực nằm phía Đông Nam huyện Tư Nghĩa, hạ nguồn sông Vệ và sông Tân Quan. Tiến hành khảo sát các địa danh theo tư liệu nhằm đối chiếu sự thay đổi theo thời gian và dùng để khảo sát thực địa tìm dấu vết tuyến kinh trong lịch sử.

⁵ Cao Tự Thanh, Đoàn Lê Giang (trích dịch và giới thiệu), *Tác phẩm Nguyễn Thông*, Sở Văn hóa Thông tin Long An xuất bản, 1984, trang 227-229;

Khảo sát năm 1813⁶, khu vực có các làng: xã Vạn An (萬安), thôn Hào Môn (豪門), thôn Tân Quan (津關), thôn Hải Châu (海洲) và châu Đồng Viên (桐園) thuộc tổng Trung (中總); châu Đại Bình (大平) thuộc tổng Hạ (下總), đều thuộc huyện Chương Nghĩa (彰義縣), phủ Tư Nghĩa (思義府). Như vậy cũng chỉ duy nhất châu Đại Bình đổi thành Thái Bình (太平), thời gian đổi từ (1813-1872). Ở đây tạm phân biệt về đơn vị hành chính cơ sở cấp thấp nhất một cách tương đối: Xã là đơn vị cấp làng có quy mô lớn, thôn là đơn vị cấp làng có quy mô nhỏ hơn, châu là đơn vị cấp làng nằm bên bãi sông.

Khảo sát năm 1876⁷, đây là lớp địa danh gần với năm mà bài ký được lập nhất (1872): Các châu Đồng Viên, thôn Hải Châu, thôn Hào Môn, châu Thái Bình thuộc tổng Nghĩa Châu; các xã Vạn An và thôn Tân Quan thuộc tổng Nghĩa Hà, và đều thuộc huyện Chương Nghĩa, phủ Tư Nghĩa. Như vậy lúc này các tổng Trung, Hạ được bãi bỏ và thay bằng các tổng Nghĩa Châu, Nghĩa Hà.

Khảo sát năm 1905, theo Niên giám thống kê Đông Dương⁸, làng Đồng Viên thuộc tổng Nghĩa Châu; các làng Hải Châu, Hào Môn, Đại Bình, Vạn An và Tân Quan thuộc tổng Nghĩa Hà, và đều thuộc huyện Chương Nghĩa, phủ Tư Nghĩa. Lúc này làng Thái Bình đã đổi lại thành Đại Bình, thời gian đổi có lẽ vào đầu đời Thành Thái (1889) vì lệ kiêng húy. Lúc này các làng Hải Châu, Hào Môn và Đại Bình đều chuyển qua tổng Nghĩa Hà.



Hình 1. Kinh Vĩnh Lợi năm 1965 trên bản đồ 1/50.000

⁶ Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn - Quảng Ngãi*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2010, P191, 207;

⁷ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đồng Khánh địa dư chí - Quảng Ngãi tỉnh*, bản chữ Hán;

⁸ *Annuaire général Administratif, Commercial et Industriel de l'Indo-Chine, Première partie, L'Année 1905 À Tị commencent le 4 Février*, F.H Schneider Imprimeur - Éditeur, Hanoi 1905, P915;

So sánh về thông tin làng xã tại thời điểm năm 1905, theo Niên giám thống kê Đông Dương: Vạn An (1.140 người), Tân Quan (370 người), Đại Bình (90 người), Hải Châu (430 người), Hào Môn (420 người) và Đồng Viên (790 người) và hầu như không thấy chợ búa hay các thông tin các ngành nghề khác, cho thấy khu vực chỉ có nông nghiệp là chính. Qua quy mô dân số từng làng cho thấy làng Vạn An có quy mô lớn, làng Đồng Viên cũng có quy mô, làng Đại Bình có quy mô nhỏ nhất, các làng khác có quy mô trung bình. Khu vực này ngày nay là các làng thuần nông, đặc biệt các làng Đồng Viên, Hải Châu, Hào Môn, Đại Bình là những làng rất nổi tiếng về trồng trọt như rau đậu, hoa tết cung cấp cho khu vực và cả Quảng Ngãi.

Căn cứ vào các tư liệu bản đồ từ năm 1938 đến nay, kết hợp phân tích không ảnh xác định tuyến kinh Vĩnh Lợi dựa vào các thông tin: Có cửa vào từ bờ Bắc sông Vệ và cửa ra tại sông Tân Quan, một chi lưu sông Vệ, chạy xuyên qua các làng Đồng Viên, Hải Châu, Hào Môn, Đại Bình, Vạn An và Tân Quan. Kết hợp các thông tin từ bản đồ thể hiện hệ thống bờ xe nước trên sông Vệ năm 1925 trong chuyên khảo “*Une Industrie Annamite: Les norias du Quang-ngai*” của BAVH năm 1926, cho thấy dữ kiện cửa vào kinh Vĩnh Lợi càng nổi bật hơn trong tổng thể bờ sông Vệ thời điểm đầu thế kỷ XX. Tại thực địa, cửa vào kinh Vĩnh Lợi nằm tại ranh giới hai thôn Đồng Viên và Hải Môn tại vị trí khá cong của sông Vệ. Dấu tích cửa vào không nhiều, tuy nhiên hầu hết cư dân nơi đây đều nhớ về một con sông nhỏ, tùy đoạn mà sẽ mang tên khác nhau. Theo ông Lê Văn Sâm 59 tuổi ở thôn Hải Môn, có nhà kề bên vị trí được cho là cửa vào kinh Vĩnh Lợi, theo truyền khẩu thì đây là con sông có tên là sông Ngòi, nối từ sông Vệ đến mương Bàu Ròng và chảy đến tận sông Tân Quan trước khi đổ vào sông Vệ. Theo truyền ngôn của người lớn tuổi thì vị trí hõng sông giao sông Vệ có độ sâu rất lớn, lên đến 5-7 mét, về mùa lũ chảy rất xiết.



Hình 2. Kinh Vĩnh Lợi đoạn nằm khu vực ranh giới xã Nghĩa Hiệp – Nghĩa Thương

Hiện nay đoạn sông Ngòi từ bờ sông Vệ đến nương Bà Ròng hầu như không còn dấu vết bởi quá trình xây dựng và san lấp của con người, tuy nhiên vẫn còn tồn tại một trục tiêu rất bé đi ngoằn ngoèo và là ranh giới hai thôn Đồng Viên và Hải Môn đến tận khu vực phía sau khu Nhà thờ công giáo Hải Châu. Từ khu vực phía sau Nhà thờ công giáo trở đi tuyến kinh Vĩnh Lợi còn khá rõ nét trên thực địa và không ảnh, khi căn cứ vào dải ruộng được dân khai phá từ tuyến kinh và nằm kề bên trục kênh chìm có chiều rộng từ 1-3 mét. Khảo sát đo đạc cho thấy bề rộng nguyên gốc kinh Vĩnh Lợi có thể lên đến 6-10 mét và kể cả thềm bãi lên đến 30 mét, hình thành một tuyến kênh chìm vừa phục vụ tưới về mùa nắng và tiêu vào mùa lũ. Kênh chảy quanh co ôm xóm làng khu vực thôn Vạn An, xã Nghĩa Thương rất đẹp và bằng đồng đổ về sông Tân Quan tại vị trí hạ lưu đập Tân Quan. Chiều dài tổng thể kinh Vĩnh Lợi đo đạc lên đến gần 6km, chảy quanh co, tùy đoạn lại mang tên khác nhau như đoạn đầu từ bờ sông Vệ đến sau lưng khu vực Nhà thờ công giáo Hải Châu dân gian gọi là sông Ngòi, đoạn từ sau Nhà thờ công giáo Hải Châu đến ranh giới xã Nghĩa Hiệp - Nghĩa Thương là nương Bà Ròng, đoạn nằm trong địa giới xã Nghĩa Thương thuộc thôn Vạn An thì mang tên nương Sông Kinh. Một điều rất tiếc là cư dân bên kênh hầu như không còn ký ức về tuyến kênh đào khá nổi tiếng và có nhiều bờ nước đặt dọc kênh. Một số cư dân nằm ven sông Vệ còn nhiều ký ức về các bờ xe nước đặt trên sông tại các làng Đồng Viên, Hải Châu.

Đến ngày nay với nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, hiện trạng các kênh tưới tiêu trong khu vực làm biến đổi mạnh bề mặt khu vực với nhiều tuyến xây dựng đào mới đã làm suy giảm chức năng nguyên gốc của kinh Vĩnh Lợi là tưới tiêu kết hợp. Tuy nhiên không khó nhận ra xuyên suốt tuyến từ bờ sông Vệ về đến bờ sông Tân Quan và đi qua sáu làng mạc khu vực, kinh Vĩnh Lợi là một tuyến kênh có nhiệm vụ vừa tưới vừa tiêu, vừa có nhiệm vụ điều hòa không khí và là một trong những nguồn nước tưới quan trọng bậc nhất cho cư dân nơi đây. So sánh với những mô tả của Nguyễn Thông trong Vĩnh Lợi cừ ký cho thấy đây là một công trình rất quan trọng và đem lại nhiều lợi ích cho dân trong khu vực. Người Việt với tư tưởng dĩ nông vi bản ngàn đời, việc phát triển nông nghiệp và xây dựng các công trình thủy lợi tại Quảng Ngãi trong quá khứ là rất quan trọng. Và Nguyễn Thông là một trong những cá nhân xuất sắc trong lịch sử đã để lại nhiều dấu ấn về công tác thủy lợi trên miền đất Ấn Trà. Và bên bờ sông Vệ miền hạ du hiền hòa, vẫn còn đó dòng kinh Vĩnh Lợi như một dải lụa mềm uốn quanh xóm làng và tưới mát đôi bờ, góp phần làm nên vùng đất khu đông với bạt ngàn ruộng đồng cùng những con người cần cù lam lũ quanh năm, mang lại nhiều sản phẩm có ích cho đời. Và như ý nghĩa của cái tên của kinh Vĩnh Lợi, có nghĩa là lợi ích vĩnh viễn, đã góp phần xây dựng quê hương Quảng Ngãi ngày càng tươi đẹp và hướng đến tương lai ngời sáng./.

V.N.P